

Chi tiết mã HS 1605

Mã HS	1605
Mô tả hàng hóa	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 23:29:35
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/1605/

26 dòng thuế thuộc 1605

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1605.10.11	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Ghẹ (thuộc họ Portunidae)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.12	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Cua hoàng đế/cua vua Alaska (cua thuộc họ Lithodidae)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.13	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Cua tuyết (cua thuộc họ Oregoniidae)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.14	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Loại khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.90	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Loại khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.21.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Tôm shrimp và tôm prawn: / - - Không đóng bao bì kín khí	kg	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.29.20	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Tôm shrimp và tôm prawn: / - - Loại khác: / - - - Tôm dạng viên	kg	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.29.30	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Tôm shrimp và tôm prawn: / - - Loại khác: / - - - Tôm tẩm bột	kg	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1605.29.90	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Tôm shrimp và tôm prawn: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.30.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Tôm hùm	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.40.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật giáp xác khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.51.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Hàu	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.52.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Điệp, kể cả điệp nữ hoàng	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.53.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Vẹm (Mussels)	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.54.10	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Mực nang và mực ống: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.54.90	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Mực nang và mực ống: / - - - Loại khác	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.55.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Bạch tuộc	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.56.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Nghêu (ngao), sò	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.57.10	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Bào ngư: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.57.90	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Bào ngư: / - - - Loại khác	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.58.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Ốc, trừ ốc biển	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.59.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thân mềm: / - - Loại khác	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.61.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thủy sinh không xương sống khác: / - - Hải sâm	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1605.62.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thủy sinh không xương sống khác: / - - Cầu gai	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.63.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thủy sinh không xương sống khác: / - - Sứa	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.69.00	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Động vật thủy sinh không xương sống khác: / - - Loại khác	kg	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.